VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được sửa đổi, bổ sung bởi:

Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2014.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu, tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 150/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;

Thủ tướng Chính phủ Quyết định ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao[1].

---

[1] Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2014 có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 08/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2014[2].

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

Số: 01/HNVB-VPCP

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2018
KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM

Nguyễn Duy Hưng

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 74/2012/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

Thủ tướng Chính phủ Quyết định ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

[2] Điều 2 Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2014 quy định như sau:

"Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành".

QUY CHẾ
Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng[3]

1. Quy chế này quy định về công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ giao trong các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình công tác, văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bao gồm văn bản mật, tối mật, tuyệt mật (sau đây gọi tắt là văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ).

2. Quy chế này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước; các cơ quan, tổ chức khác trong trường hợp thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao (sau đây gọi tắt là các bộ, cơ quan, địa phương).

Điều 2. Nguyên tắc chung

Công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Tất cả nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao phải được tổ chức thực hiện kịp thời, đầy đủ, công khai, minh bạch; tuân thủ Quy chế làm việc của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan;

2. Bảo đảm tính chủ động, có sự phân công trách nhiệm rõ ràng và phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, cơ quan, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan;

3. Kết hợp chặt chẽ với việc xây dựng, quản lý, kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

4. Gắn kết với chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý văn bản, hồ sơ công việc chỉ đạo, điều hành của các Bộ, cơ quan, địa phương;

---

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

thực hiện liên thông từ Văn phòng Chính phủ đến các bộ, cơ quan, địa phương theo Hệ thống phần mềm dùng chung tại Văn phòng Chính phủ;

5. Bảo đảm hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được liên tục, thông suốt; giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật trong hệ thống hành chính nhà nước; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.[4] "Nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao" bao gồm: Soạn thảo và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc cơ quan, người có thẩm quyền ban hành, phê duyệt hoặc ban hành, phê duyệt theo thẩm quyền các đề án, báo cáo, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính; những nhiệm vụ cụ thể khác được giao thực hiện trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (không bao gồm những nhiệm vụ thực hiện thường xuyên theo chức năng của các bộ, cơ quan, địa phương);

2.[5] Nhiệm vụ giao trong văn bản quy phạm pháp luật, gồm: Nghị định của Chính phủ, Quyết định quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ;

3. "Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi" là Hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;

4. "Mạng dùng riêng của Chính phủ" là Mạng máy tính dùng riêng phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết nối thông suốt từ Văn phòng Chính phủ đến các bộ, cơ quan, địa phương;

5. "Hệ thống điều hành tác nghiệp" là Hệ thống phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc chỉ đạo điều hành;

6. "Hệ thống phần mềm dùng chung" triển khai tại Văn phòng Chính phủ gồm: Các phần mềm được xây dựng triển khai phục vụ công tác chuyên môn tại Văn phòng Chính phủ, phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

---

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

Điều 4. Phân loại các nhiệm vụ giao[6]

1. Nhiệm vụ giao có thời hạn thực hiện.

2. Nhiệm vụ giao không có thời hạn thực hiện

Chương II
NỘI DUNG, QUY TRÌNH CẬP NHẬT THÔNG TIN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO

Điều 5. Nội dung thông tin phải cập nhật

1.[7] Đối với văn bản giao nhiệm vụ không phải là văn bản mật, cập nhật các thông tin sau đây lên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi và công khai trên mạng dùng riêng của Chính phủ:

a) Tên văn bản, số, ký hiệu, trích yếu, ngày, tháng, năm ban hành, người ký văn bản;

b) Cơ quan, đơn vị trình ban hành văn bản;

c) Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ;

d) Đơn vị (thuộc Văn phòng Chính phủ) được giao theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện;

đ) Nội dung nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;

e) Thời hạn thực hiện nhiệm vụ (thời hạn phải báo cáo, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc cơ quan, người có thẩm quyền khác hoặc thời hạn phải hoàn thành những nhiệm vụ cụ thể khác;

g)[8] Tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao (đã thực hiện; đang thực hiện; chưa thực hiện trong hạn hoặc quá hạn; chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ giao so với yêu cầu chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ);

h) Thông tin cần thiết khác.

Trong trường hợp Thủ tướng Chính phủ yêu cầu hoặc các trường hợp cần thiết khác, ngoài việc thực hiện cập nhật thông tin qua Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu

---

[6] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

[8] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

theo dõi với các nội dung như trên, Bộ, cơ quan, địa phương được giao nhiệm vụ còn phải thực hiện việc cập nhật, theo dõi bằng văn bản gửi đến Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan.

2.[9] Đối với văn bản giao nhiệm vụ được phát hành theo chế độ mật (mật, tối mật, tuyệt mật), cập nhật các thông tin sau đây lên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi và công khai trên mạng dùng riêng của Chính phủ:

a) Tên văn bản, số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, người ký văn bản (không có trích yếu);

b) Cơ quan, đơn vị trình ban hành văn bản;

c) Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ;

d) Đơn vị (thuộc Văn phòng Chính phủ) được giao theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện;

đ) Tổng số nhiệm vụ giao (không cập nhật chi tiết nội dung nhiệm vụ);

e) Thời hạn hoàn thành;

g) Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao (đã thực hiện; chưa thực hiện trong hạn hoặc quá hạn; không cập nhật nội dung chi tiết kết quả thực hiện);

Trường hợp đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan, địa phương phải báo cáo các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều này bằng văn bản theo chế độ mật gửi Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan.

Điều 6. Trách nhiệm và quy trình cập nhật thông tin

1. Đối với Văn phòng Chính phủ

a) Khi văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được ban hành, Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm phân loại nhiệm vụ giao theo quy định tại Điều 4 Quy chế này; cập nhật và chuyển theo dõi đầy đủ nội dung thông tin về nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng giao các Bộ, cơ quan, địa phương theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 5 Quy chế này trên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi.

b)[10]Cập nhật kết quả thực hiện nhiệm vụ giao của các cơ quan, đơn vị chưa có kết nối Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi từ Văn phòng Chính phủ đến cơ quan, đơn vị đó.

---

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

[10]Điểm b, c được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

c) Cập nhật tình hình theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ; đánh giá chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ giao so với yêu cầu chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ giao của các bộ, cơ quan, địa phương đã cập nhật trên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi.

2.[11] Đối với các Bộ, cơ quan, địa phương

a) Trên cơ sở nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được chuyển đến Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi, các bộ, cơ quan, địa phương có trách nhiệm rà soát, đối chiếu các thông tin trên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi với các văn bản giao nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp cập nhật thiếu nhiệm vụ giao hoặc nội dung nhiệm vụ được cập nhật và chuyển đến chưa chính xác hoặc không thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan, địa phương mình thì phải trao đổi, thông tin kịp thời hoặc chuyển lại Văn phòng Chính phủ (nêu rõ lý do) để cập nhật bổ sung, điều chỉnh hoặc chuyển đến bộ, cơ quan, địa phương khác thực hiện theo quy định.

b) Cập nhật đầy đủ tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo các nội dung quy định tại điểm g khoản 1 và điểm g khoản 2 Điều 5 Quy chế này trên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi.

Điều 7. Thời hạn cập nhật thông tin trên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi

1. Thời hạn phân loại nhiệm vụ, cập nhật và chuyển sang theo dõi

Văn phòng Chính phủ phải hoàn thành việc phân loại nhiệm vụ, cập nhật thông tin vào Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi và chuyển sang theo dõi không quá 03 ngày làm việc kể từ khi văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được ban hành. Trường hợp văn bản chỉ đạo, điều hành gồm nhiều nhiệm vụ, liên quan đến nhiều Bộ, cơ quan, địa phương hoặc phải lấy ý kiến nhiều cơ quan, đơn vị khác thì thời hạn này không quá 10 ngày làm việc.

2. Thời hạn cập nhật tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

a) Đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này, chậm nhất sau thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhiệm vụ được giao đến thời hạn phải

[11] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

hoàn thành hoặc phải báo cáo, phải trình, các Bộ, cơ quan, địa phương phải cập nhật các thông tin liên quan đến tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao vào Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi trên Mạng dùng riêng của Chính phủ.

b) Đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này, các Bộ, cơ quan, địa phương được giao nhiệm vụ phải cập nhật tình hình thực hiện theo quý, 6 tháng, năm hoặc khi có kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

3.[12] Văn phòng Chính phủ hoàn thành việc cập nhật kết quả thực hiện nhiệm vụ giao của các cơ quan, đơn vị chưa có kết nối Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi trong thời hạn không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ giao của các cơ quan, đơn vị này.

Điều 8. Theo dõi, trao đổi, xử lý thông tin cập nhật

1. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan, địa phương

a) Theo dõi, kiểm tra thông tin cập nhật về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi và số liệu trong các báo cáo của cơ quan mình và của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

b) Trường hợp thông tin cập nhật, số liệu báo cáo của cơ quan mình không chính xác với thực tế hoặc sai lệch so với thông tin trên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi, phải rà soát, điều chỉnh lại hoặc trao đổi, thông báo kịp thời với Văn phòng Chính phủ bằng văn bản, fax hoặc qua điện thoại, thư điện tử, phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ để có hướng xử lý đối với các trường hợp này.

c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về thời hạn cập nhật và tính chính xác, đầy đủ của các thông tin về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao của cơ quan, đơn vị mình theo quy định của Quy chế này.

---

[12] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

2. Trách nhiệm của Văn phòng Chính phủ

Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra chặt chẽ thông tin cập nhật về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi và số liệu trong các báo cáo của các Bộ, cơ quan, địa phương. Trường hợp phát hiện thông tin, số liệu cập nhật không chính xác hoặc có sai lệch, kịp thời trao đổi với các Bộ, cơ quan, địa phương để điều chỉnh.

Chương III
THEO DÕI, ĐÔN ĐỐC, KIỂM TRA

Mục 1
THEO DÕI, ĐÔN ĐỐC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn theo dõi, đôn đốc

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Chính phủ

a)[13] Văn phòng Chính phủ là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương; chủ động, thường xuyên đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, công việc được giao (đánh giá về tiến độ, chất lượng, hiệu quả so với yêu cầu chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ) của bộ, cơ quan, địa phương, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xử lý, giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao nhằm bảo đảm việc triển khai thực hiện đúng thời hạn, yêu cầu và hiệu quả.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương xin ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với những vấn đề mà các Bộ, cơ quan, địa phương có ý kiến khác nhau trong việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

---

[13] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

d)[14] Đề nghị các bộ, cơ quan, địa phương cung cấp thông tin, tài liệu, thông báo về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao để kịp thời rà soát, đánh giá, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, cơ quan, địa phương

a) Các Bộ, cơ quan ở Trung ương là đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao phải chủ động, thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ, cơ quan mình và các Bộ, cơ quan phối hợp; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực được phân công; kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những sai sót theo thẩm quyền.

b) Các Bộ, cơ quan Trung ương là đơn vị phối hợp thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ, cơ quan mình phối hợp thực hiện; kịp thời cung cấp thông tin về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phối hợp cho Bộ, cơ quan chủ trì thực hiện.

c) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động đôn đốc, theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cơ quan mình; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi thẩm quyền, thường xuyên theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, cơ quan trực thuộc trong việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, bảo đảm đúng thời hạn, yêu cầu, hiệu quả.

Điều 10. Nội dung theo dõi, đôn đốc

1. Theo dõi, đôn đốc việc phân loại nhiệm vụ trong các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; cập nhật và chuyển theo dõi, các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi.

2. Theo dõi, đôn đốc tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo.

---

[14] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

3. Theo dõi, đôn đốc việc tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

4. Tham mưu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh hoặc yêu cầu phải điều chỉnh các nhiệm vụ; xử lý đối với các trường hợp chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đúng các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

Điều 11. Hình thức theo dõi, đôn đốc

1. Thông qua Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi và trên Mạng dùng riêng của Chính phủ.

2. Thông qua báo cáo định kỳ hoặc đột xuất.

3. Qua làm việc, trao đổi trực tiếp.

4. Qua điện thoại, thư điện tử, fax...

5. Qua công tác kiểm tra.

Mục 2
KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn kiểm tra

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Chính phủ

a) Tham mưu, giúp Thủ tướng Chính phủ xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, cơ quan, địa phương.

b) Tham mưu, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ thành lập Đoàn kiểm tra để tiến hành kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất các Bộ, cơ quan, địa phương trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

c) Văn phòng Chính phủ làm đầu mối giúp Thủ tướng Chính phủ kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, cơ quan, địa phương khi được Thủ tướng Chính phủ giao theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Quy chế làm việc của Chính phủ ban hành hành kèm theo Nghị định số 08/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ.

d) Thủ tướng Chính phủ giao Văn phòng Chính phủ thường xuyên thực hiện kiểm tra việc cập nhật, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, cơ quan, địa phương; kiểm tra việc thực hiện

chế độ thông tin, báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao của các Bộ, cơ quan, địa phương theo quy định của Quy chế này.

e)[15] Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ làm Tổ trưởng Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ chịu trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương và báo cáo kết quả kiểm tra tại phiên họp Chính phủ thường kỳ hàng tháng.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ở Trung ương

a) Thực hiện kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

b) Kiểm tra việc cập nhật, theo dõi, đôn đốc, việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong nội bộ cơ quan mình, cơ quan, đơn vị trực thuộc và các cơ quan liên quan trong phạm vi quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực được phân công.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Thực hiện kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

b) Kiểm tra việc cập nhật, theo dõi, đôn đốc, việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong nội bộ cơ quan mình và các sở, ngành, cơ quan trực thuộc trong phạm vi quản lý ở địa phương.

Điều 13. Nội dung kiểm tra

1. Kiểm tra việc tổ chức, triển khai và tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

2. Kiểm tra việc cập nhật tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi.

3. Kiểm tra việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ. Thủ tướng Chính phủ giao của các Bộ, cơ quan, địa phương.

---

[15] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

Điều 14. Hình thức và căn cứ kiểm tra

1. Kiểm tra thường xuyên, định kỳ, căn cứ theo kế hoạch được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm tra đột xuất, căn cứ theo yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền hoặc khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nội dung nhiệm vụ được giao.

Điều 15. Quyết định kiểm tra và thành lập Đoàn kiểm tra

1. Thủ tướng Chính phủ ra quyết định kiểm tra và thành lập Đoàn kiểm tra.

2. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, căn cứ quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14 Quy chế này ra quyết định kiểm tra và thành lập Đoàn kiểm tra để thực hiện quyết định kiểm tra.

3. Quyết định kiểm tra bao gồm các nội dung sau:

a) Căn cứ pháp lý để kiểm tra;

b) Phạm vi, đối tượng, nhiệm vụ kiểm tra;

c) Nội dung kiểm tra;

d) Thời hạn kiểm tra;

đ) Thành phần Đoàn kiểm tra.

Điều 16. Tổ chức kiểm tra

1. Căn cứ quyết định kiểm tra, Trưởng Đoàn kiểm tra tổ chức triển khai thực hiện việc kiểm tra.

2. Trong quá trình kiểm tra nếu thấy cần thiết, Trưởng Đoàn kiểm tra được quyền mời các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung kiểm tra tham gia Đoàn kiểm tra. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời có trách nhiệm tham gia Đoàn kiểm tra.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra hoặc có liên quan có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Kết quả kiểm tra

1. Đối với Bộ, cơ quan, địa phương

Chậm nhất 07 ngày làm việc sau khi kết thúc kiểm tra phải báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý, ngành, lĩnh vực kết quả kiểm tra, đồng thời gửi Văn phòng Chính phủ để theo dõi, tổng hợp.

2. Đối với Văn phòng Chính phủ

Chậm nhất 07 ngày làm việc sau khi kết thúc kiểm tra phải báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, cơ quan, địa phương; đồng thời thông báo kết quả kiểm tra đến Bộ, cơ quan, địa phương được kiểm tra.

3. Nội dung báo cáo kết quả kiểm tra

a) Đánh giá việc tổ chức triển khai thực hiện, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, cơ quan, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan; đánh giá việc cập nhật thông tin về nhiệm vụ, tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi và việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao của các Bộ, cơ quan, địa phương.

b) Kết luận nội dung kiểm tra.

Nội dung kết luận kiểm tra phải đánh giá cụ thể về kết quả thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp chưa thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao phải xác định rõ tính chất, mức độ, nguyên nhân, trách nhiệm của Bộ, cơ quan, địa phương trong việc chưa thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

c) Kiến nghị với cơ quan, người có thẩm quyền các biện pháp đôn đốc, chỉ đạo các Bộ, cơ quan, địa phương thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao hoặc điều chỉnh nhiệm vụ giao (nếu cần); biện pháp xử lý vi phạm (nếu có).

Điều 18. Hồ sơ kiểm tra

Hồ sơ kết thúc kiểm tra gồm:

1. Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra;

2. Văn bản giao nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các văn bản liên quan (nếu có);

3. Văn bản theo dõi, đôn đốc (nếu có);

4. Báo cáo, tài liệu phản ánh tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;

5. Kế hoạch kiểm tra (hoặc văn bản có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến việc kiểm tra);

6. Biên bản, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra;

7. Báo cáo kết quả kiểm tra;

8. Tài liệu khác có liên quan.

Chương IV
CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 19. Trách nhiệm của Văn phòng Chính phủ

1. Hỗ trợ và cung cấp thông tin có liên quan cho các Bộ, cơ quan, địa phương trong việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

2.[16] Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương. Định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ xây dựng báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cho đăng tải công khai kết quả thực hiện đó trên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi và trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ.

3. Báo cáo, kiến nghị kịp thời với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp cần thiết nhằm đôn đốc các Bộ, cơ quan, địa phương thực hiện các nhiệm vụ giao đã đến hạn quy định nhưng chưa thực hiện, triển khai thực hiện không đúng yêu cầu đề ra hoặc khi có các vấn đề phát sinh do các Bộ, cơ quan, địa phương phản ánh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

4. Yêu cầu các Bộ, cơ quan, địa phương báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình cập nhật và kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

---

[16] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

5. Trong quá trình theo dõi, đôn đốc, nếu nhận được thông tin phản hồi của địa phương, cơ quan về việc các Bộ, ngành triển khai thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao có liên quan đến địa phương, cơ quan mà không đúng thời hạn hoặc không đúng yêu cầu, Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm kiểm tra các thông tin phản hồi; trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin phản hồi của địa phương, phải có văn bản đôn đốc các Bộ, cơ quan liên quan thực hiện hoặc báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Văn bản đôn đốc hoặc văn bản thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ được đồng thời gửi đến địa phương, cơ quan có thông tin phản hồi để biết.

Điều 20. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan

1.[17] Rà soát, tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong phạm vi quản lý của mình. Định kỳ 6 tháng, năm hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ gửi báo cáo đến Văn phòng Chính phủ để tổng hợp.

2. Các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao đã đến hạn theo quy định nhưng chưa triển khai thực hiện, không đủ khả năng, điều kiện thực hiện hoặc triển khai thực hiện không đúng yêu cầu thì phải trao đổi, thông báo kịp thời bằng văn bản cho Văn phòng Chính phủ về khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ để báo cáo, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hướng xử lý đối với các trường hợp này.

Điều 21. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1.[18] Rà soát, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình. Định kỳ 6 tháng, năm hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ hoặc của Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi báo cáo tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao đến Văn phòng Chính phủ và các bộ, cơ quan liên quan.

---

[17] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

[18] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

2. Đối với các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao vượt quá khả năng, điều kiện thực hiện hoặc có khó khăn, vướng mắc phải chủ động thông tin, báo cáo kịp thời với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan để đề xuất, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

3. Đối với các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan thực hiện có liên quan đến địa phương nhưng không được các Bộ, cơ quan thực hiện đúng thời hạn, đúng yêu cầu thì phản hồi thông tin kịp thời với Văn phòng Chính phủ để có cơ sở đôn đốc các Bộ, cơ quan liên quan triển khai thực hiện.

Điều 22. Thời hạn thông tin, báo cáo định kỳ[19]

1. Chậm nhất trước ngày 20 tháng 6 (đối với Báo cáo 6 tháng) và ngày 30 tháng 11 (đối với Báo cáo năm), các bộ, cơ quan, địa phương tổng hợp, gửi báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho Văn phòng Chính phủ.

2. Trên cơ sở số liệu của các bộ, cơ quan, địa phương, trước ngày 25 tháng 6 và ngày 20 tháng 12 hàng năm, Văn phòng Chính phủ tổng hợp, xây dựng báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan, địa phương trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra

1. Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương xây dựng Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi liên thông với Hệ thống điều hành tác nghiệp; bảo đảm Mạng dùng riêng của Chính phủ được hoạt động thông suốt, an toàn, an ninh, toàn vẹn dữ liệu.

2. Các Bộ, cơ quan, địa phương phối hợp với Văn phòng Chính phủ xây dựng Hệ thống điều hành tác nghiệp và Cơ sở dữ liệu theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao thuộc phạm vi quản lý, chỉ đạo, điều hành của mình.

---

[19] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Quyết định số 23/2018/QĐ-TTg, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

Điều 24. Hướng dẫn thực hiện Quy chế và Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi

1. Văn phòng Chính phủ chịu trách nhiệm hướng dẫn các Bộ, cơ quan, địa phương xây dựng và vận hành Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn triển khai thực hiện Quy chế và sử dụng Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi cho cán bộ, công chức làm công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra.

2. Các bộ, cơ quan, địa phương thực hiện đào tạo, tập huấn về triển khai thực hiện Quy chế và Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi cho cán bộ làm công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện, các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 25. Triển khai thực hiện Quy chế

1. Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế; hàng năm chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan có kế hoạch triển khai thực hiện nghiêm túc và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện Quy chế này. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định tại Quy chế này, các bộ, cơ quan, địa phương chỉ đạo xây dựng Quy chế về công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong nội bộ cơ quan, tổ chức mình.

Điều 26. Khen thưởng và kỷ luật

1. Các bộ, cơ quan, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Quy chế này được biểu dương, khen thưởng theo quy định pháp luật hiện hành về thi đua khen thưởng.

2. Kết quả thực hiện Quy chế này là một trong các tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng hàng năm của các bộ, cơ quan, địa phương và của cá nhân Thủ trưởng các cơ quan và cán bộ, công chức.

3. Các bộ, cơ quan, địa phương và cá nhân cán bộ, công chức thực hiện không đầy đủ hoặc vi phạm các quy định của Quy chế này, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng